

Bản án số: **61/2021/DS-ST**
Ngày 02-4-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Châu Giang

Bà Hồ Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 358/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Trụ sở: phường BN, Quận 1, thành phố HCM.

1.1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1.1. Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Mỹ X- Chức vụ Giám đốc Chi nhánh Kiêm GD RB theo giấy ủy quyền số: 156/2020/UQ-CT.HĐQT ngày 29/12/2020.

1.1.2. Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Duy Kh- Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ chi nhánh AG đại diện theo giấy ủy quyền số 11/2021/GUQ-OCB-CNAG ngày 17/3/2021. (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: phường MB, thành phố LX, tỉnh AG

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Tú A, sinh năm 1987

Địa chỉ: khóm HT, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Phần trình bày của ông Đỗ Duy Kh-Chuyên viên xử lý nợ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thể hiện nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ cùng với bà Phạm Thị Tú A ký kết Hợp đồng tín dụng-Khách hàng cá nhân số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016, sau đó bà Tú A và ngân hàng ký với nhau Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 0234A/SĐBS-HĐTD ngày 22/12/2016 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng-Khách hàng cá nhân số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016 và khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0234/2016/OCB/KUNN-CN ngày 14/4/2016. Bà Phạm Thị Tú A vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 14/4/2016 đến ngày 14/4/2021). Mục đích vay: Mua xe tải kinh doanh vận chuyển thuê nông sản, trái cây.

+ Phương thức trả: Trả gốc hàng tháng, trả lãi định kỳ vào ngày 05 hàng tháng theo dư nợ thực tế; Lãi suất trong hạn: 10.5 %/năm, cố định 12 tháng đầu theo gói tín dụng. Từ tháng 13 lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ lãi suất tối thiểu 5%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Bà Phạm Thị Tú A tính đến ngày 16/01/2020 đã thanh toán cho Ngân hàng tiền vốn gốc là 147.400.000 đồng, tiền lãi trả số tiền 56.597.399 đồng. Tổng số tiền bà Tú A còn nợ lại là 60.466.147 đồng, trong đó: tiền nợ vốn vay là 52.600.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 16/11/2020 là 7.866.147 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng bà Phạm Thị Tú A ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số 0234/2016/BĐ ngày 15/11/201213/4/2016 bảo đảm cho hợp đồng tín dụng - Khách hàng cá nhân số: 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0234A/SĐBS-HĐTD ngày 22/12/2016. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008711 do Công an An Giang cấp ngày 13/4/2016, tên chủ xe Phạm Thị Tú A, nhãn hiệu xe: SUZUKI, số máy: G16AID267334; số khung: MHYGDN71TFJ403248; biển số 67C-057.43, loại xe ô tô tải, dung tích 1590, màu sơn bạc. Hiện tại tài sản thế chấp trên Ngân hàng không xác định được nên không yêu cầu Tòa án xem xét duy trì Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số 0234/2016/BĐ ngày 13/4/2016.

- Tại phiên tòa, ông Đỗ Duy Kh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc bà Phạm Thị Tú A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền nợ 63.707.632 đồng, trong đó: tiền nợ vốn vay là 52.600.000 đồng (thu hồi nợ trước hạn do vi phạm Hợp đồng tín dụng số

số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016), tiền lãi tạm tính đến ngày 02/4/2021 là 11.107.632 đồng (trong đó: lãi trong hạn: 4.828.420 đồng, lãi quá hạn: 6.279.212 đồng) và phải chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng-Khách hàng cá nhân số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 0234A/SĐBS-HĐTD ngày 22/12/2016 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016 cho đến khi tất toán khoản vay.

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ xác định không yêu cầu bà Tú A phải trả lãi phạt chậm thực hiện nghĩa vụ số tiền 770.523 đồng (*Bảy trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi ba đồng*).

- Bị đơn bà Phạm Thị Tú A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

* Tại phiên tòa, ông Đỗ Duy Khà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện xác định không yêu cầu trả lãi phạt chậm thực hiện nghĩa vụ số tiền 770.523 đồng (*Bảy trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi ba đồng*); Bị đơn bà Phạm Thị Tú A vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ:

+ Buộc bà Phạm Thị Tú A nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ chi nhánh An Giang đại diện nhận số tiền 63.707.632 đồng (*Sáu mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng*). Trong đó: tiền nợ vốn vay là 52.600.000 đồng (thu hồi nợ trước hạn do vi phạm Hợp đồng tín dụng số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016), tiền lãi tạm tính đến ngày 02/4/2021 là 11.107.632 đồng và phải chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng-Khách hàng cá nhân số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 0234A/SĐBS-HĐTD ngày 22/12/2016 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016 cho đến khi tất toán khoản vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ do ông Trịnh Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho bà Trần Thị Mỹ X- Chức vụ Giám đốc Chi nhánh Kiên GĐ RB đại diện theo giấy ủy quyền số 40/2019/UQ-CT.HĐQT ngày 04/11/2019. Bà Trần Thị Mỹ Xủy quyền lại cho ông Đỗ Duy Kh- Chuyên viên Xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ chi nhánh An Giang đại diện theo Giấy ủy quyền số 03/2021/GUQ-OCB-CNAG ngày 04/01/2021 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ- Chi nhánh AG, thủ tục ủy quyền hợp lệ phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[1.2] Bị đơn bà Phạm Thị Tú A mặc dù được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ lần thứ hai theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị Tú A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền:

[2.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện đối với bà Phạm Thị Tú A yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh Hợp đồng tín dụng-Khách hàng cá nhân số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 0234A/SĐBS-HĐTD ngày 22/12/2016 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng tín dụng mục đích vay nhằm mua xe tải kinh doanh vận chuyển thuê nông sản, trái cây, bà Phạm Thị Tú A không có giấy phép đăng ký kinh doanh, thỏa thuận không phát sinh vì mục đích kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[2.2] Tại phiên tòa, ông Đỗ Duy Kh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ xác định không yêu cầu tính lãi phạt chậm thực hiện nghĩa vụ thanh số tiền 770.523 đồng (*Bảy trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi ba đồng*) việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để xem xét, giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ cùng với bà Phạm Thị Tú A ký kết Hợp đồng tín dụng-Khách hàng cá nhân số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016, sau đó hai bên ký với nhau Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 0234A/SĐBS-HĐTD ngày 22/12/2016 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng-Khách hàng cá nhân số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016 và khế ước

nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0234/2016/OCB/KUNN-CN ngày 14/4/2016. Bà Phạm Thị Tú A vay số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*); Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 14/4/2016 đến ngày 14/4/2021). Mục đích vay: Mua xe tải kinh doanh vận chuyển thuê nông sản, trái cây. Phương thức trả gốc hàng tháng, trả lãi định kỳ vào ngày 05 hàng tháng theo dư nợ thực tế; Lãi suất trong hạn: 10.5 %/năm, cố định 12 tháng đầu theo gói tín dụng. Từ tháng 13 lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ lãi suất tối thiểu 5%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

[3.2] Ông Đỗ Duy Kh đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ trình bày trong quá trình vay vốn tính đến ngày 16/01/2020, bà Tú A chỉ thanh toán cho Ngân hàng tiền vốn gốc là 147.400.000 đồng, tiền lãi trả số tiền 56.597.399 đồng. Tổng số tiền bà Tú A còn nợ lại là 63.707.632 đồng (*Sáu mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng*), trong đó: tiền nợ vốn vay là 52.600.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 02/4/2021 là 11.107.632 đồng. Do, bà Tú A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, bà Tú A phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền vốn vay 52.600.000 đồng (*Năm mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3.3] Đối với tiền lãi: Căn cứ theo Điều 1 và Điều 4 của Hợp đồng tín dụng-Khách hàng cá nhân số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 0234A/SĐBS-HĐTD ngày 22/12/2016 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng-Khách hàng cá nhân số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016 và khế ước nhận nợ-Khách hàng cá nhân số 0234/2016/OCB/KUNN-CN ngày 14/4/2016 thì tiền lãi phát sinh từ số tiền vốn vay bà Tú A vi phạm nghĩa vụ trả lãi là ngày 16/01/2020 tạm tính đến ngày 02/4/2021, với số tiền lãi là 11.107.632 đồng. Trong đó: lãi trong hạn 4.828.420 đồng, lãi quá hạn 6.279.212 đồng. Tại phiên tòa, ông Kh đại diện cho ngân hàng không đồng ý kéo dài thêm thời gian trả nợ và cũng như giảm lãi cho phía bà Tú A, đối với việc bà Tú A không đóng lãi đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận và gây thiệt hại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, hai bên thỏa thuận tự nguyện ký kết hợp đồng tín dụng với nội dung thỏa thuận tại hợp đồng nên bà Tú A phải chịu trách nhiệm đối với việc ký kết và thỏa thuận với Ngân hàng do đó yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Tổng cộng số tiền vốn và lãi mà bà Phạm Thị Tú A phải có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng số tiền 63.707.632 đồng (*Sáu mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng*), trong đó: tiền nợ vốn vay là 52.600.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 02/4/2021 là 11.107.632 đồng và phải chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng-Khách hàng cá nhân số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 0234A/SĐBS-HĐTD ngày 22/12/2016 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

tín dụng số 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016 cho đến khi tất toán khoản vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

[4] Để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng bà Phạm Thị Tú A ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số 0234/2016/BĐ ngày 15/11/201213/4/2016 bảo đảm cho hợp đồng tín dụng - Khách hàng cá nhân số: 0234/2016/HĐTD-CN ngày 13/4/2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0234A/SĐBS-HĐTD ngày 22/12/2016. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008711 do Công an AG cấp ngày 13/4/2016, tên chủ xe Phạm Thị Tú A, nhãn hiệu xe: SUZUKI, số máy: G16AID267334; số khung: MHYGDN71TFJ403248; biển số 67C-057.43, loại xe ô tô tải, dung tích 1590, màu sơn bạc. Hiện tại tài sản thế chấp trên Ngân hàng không xác định được nên không yêu cầu Tòa án xem xét duy trì Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số 0234/2016/BĐ ngày 13/4/2016 trong cùng vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5.2] Bị đơn bà Phạm Thị Tú A phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- + Điều 426, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- + Điều 463, Điều 466 và điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- + Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.
- + Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, Điều 240, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- + Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ:

1.1. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Tú A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 63.707.632 đồng (*Sáu mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng*). Trong đó: tiền nợ vốn vay là 52.600.000 đồng (*Năm mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng*), tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 02/4/2021 là 11.107.632 đồng (*Mười một triệu một trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/4/2021) bị đơn bà Phạm Thị Tú A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được nhận lại số tiền 1.511.654 đồng (*Một triệu năm trăm mười một nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007825 ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

2.2. Bị đơn bà Phạm Thị Tú A nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.185.382 đồng (*Ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi hai đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

* Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, bà Phạm Thị Tú A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Ngọc Thúy

